

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH OAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8478 /QĐ-UBND

Thanh Oai, ngày 13 tháng 12 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc Giao bổ sung dự toán kinh phí hỗ trợ miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021; hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 và kinh phí chi trả học bổng cho người khuyết tật theo Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐT-BXH-BTC ngày 31/12/2013; Hỗ trợ học phí cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông của thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND TP cho các trường Mầm non; Tiểu học; THCS công lập thuộc huyện quản lý và Trung tâm GDNN-GDTX huyện Thanh Oai học kỳ I năm học 2024 -2025

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông Tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐT-BXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Lao động thương binh và xã hội và Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND thành phố Hà Nội quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2023-2024;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND thành phố Hà Nội quy định chế độ hỗ trợ học phí đối với trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông của thành phố Hà Nội thuộc hộ cận nghèo;

Căn cứ Quyết định số 6336/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của thành phố Hà Nội;



Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Thanh Oai về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách huyện và phân bổ dự toán ngân sách cấp huyện năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 13268/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện Thanh Oai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế xã hội và dự toán thu chi ngân sách của huyện Thanh Oai năm 2024;

Theo đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tại Tờ trình số 437/TTr-GD&ĐT ngày 12/7/2024 về việc cấp kinh phí chi bù tiền ăn trưa, chi phí học tập, học phí, khuyết tật học kỳ II năm học 2023-2024.

Theo đề nghị của phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tại Báo cáo số 57/BC-TCKH ngày 12/12/2024 về việc Bổ sung dự toán kinh phí miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021; chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mầm non theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 và chính sách học bổng theo Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013; hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND Thành phố học kỳ I năm học 2024-2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Bổ sung dự toán ngân sách năm 2024 cho:

**Các trường Mầm non; Tiểu học; THCS công lập thuộc huyện quản lý và Trung tâm GDNN-GDTX huyện Thanh Oai.**

**Tổng số tiền: 315.925.000 đồng**

*(Bằng chữ: Ba trăm mười lăm triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn).*

*(Chi tiết theo các biểu đính kèm)*

**Nội dung:** Bổ sung bổ sung dự toán kinh phí hỗ trợ miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021; hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 và kinh phí chi trả học bổng cho người khuyết tật theo Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013; Hỗ trợ học phí cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông của thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND TP cho các trường Mầm non; Tiểu học; THCS công lập thuộc huyện quản lý và Trung tâm GDNN-GDTX huyện Thanh Oai học kỳ I năm học 2024-2025.

#### **Nguồn kinh phí:**

- Từ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ngân sách cấp huyện tại Quyết định số 13268/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện Thanh Oai, số tiền: 273.263.000 đồng.

- Từ nguồn thành phố bổ sung có mục tiêu tại Quyết định số 13268/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện Thanh Oai, số tiền: 42.662.000 đồng.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

Giao phòng Tài chính – Kế hoạch: Thực hiện kiểm tra, hướng dẫn công tác thanh quyết toán.

Phòng Giáo dục và đào tạo huyện: Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện kinh phí miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021; hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 và kinh phí chi trả học bổng cho người khuyết tật theo Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT BLĐT BXH-BTC ngày 31/12/2013; Hỗ trợ học phí cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông của thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND TP học kỳ I năm học 2024-2025.

Các trường Mầm non; Tiểu học; THCS công lập thuộc huyện quản lý và Trung tâm GDNN-GDTX huyện Thanh Oai: Thực hiện tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được ngân sách bổ sung đúng mục đích, đúng chế độ, không được sử dụng cho các mục đích khác; thanh, quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà Nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Giáo dục và đào tạo huyện, Hiệu trưởng các trường Mầm non; Tiểu học; THCS công lập thuộc huyện quản lý và Trung tâm GDNN-GDTX huyện Thanh Oai; Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *Ng*

Nơi nhận: *loc*

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, TCKH (Ngân, 75). *đ*



ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH OAI

Biểu 5

BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ CẤP BÙ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP, HỖ TRỢ ĂN TRƯA CHO TRẺ EM MẪU GIÁO, KINH PHÍ CHI TRẢ HỌC BỔNG VÀ HỖ TRỢ MUA ĐỒ DÙNG HỌC TẬP CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 8478/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện)

ĐVT: Đồng

ST T	Tên đơn vị	Kinh phí thực hiện chính sách học phí theo NĐ 81/2021	Hỗ trợ chi phí học tập	Hỗ trợ kinh phí ăn trưa cho trẻ	Kinh phí chi trả học bổng cho người khuyết tật	Cộng kinh phí hỗ trợ HK I năm học 2024-2025	Kinh phí hỗ trợ học phí theo NQ 15/2023/NQ-HĐND TP (Nguồn Thành phố bổ sung có mục tiêu)	Tổng cộng
A	B	1	2	3	4	5=1+2+3+4	6	7=5+6
	Mầm non	7.898.000	8.400.000	42.880.000	7.488.000	66.666.000	4.750.000	71.416.000
	Tiểu học		61.800.000		14.976.000	76.776.000		76.776.000
	Trung học cơ sở	64.513.000	51.900.000		7.488.000	123.901.000	34.112.000	158.013.000
	Trung tâm GDNN-GDTX huyện	5.320.000	600.000	-		5.920.000	3.800.000	9.720.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>77.731.000</b>	<b>122.700.000</b>	<b>42.880.000</b>	<b>29.952.000</b>	<b>273.263.000</b>	<b>42.662.000</b>	<b>315.925.000</b>

**BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ CẤP BÙ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ HỌC PHÍ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP, HỖ TRỢ ĂN TRƯA CHO TRẺ EM MẪU GIÁO, KINH PHÍ CHI TRẢ HỌC BỔNG CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số 8478/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện)

ĐVT: Đồng

STT	Khối Mẫu non	Kinh phí thực hiện chính sách học phí theo NĐ 81/2021	Hỗ trợ chi phí học tập	Hỗ trợ kinh phí ăn trưa cho trẻ	Kinh phí chi trả học bổng cho người khuyết tật	Cộng kinh phí hỗ trợ HK I năm học 2024-2025	Kinh phí hỗ trợ học phí theo NQ 15/2023 HĐND TP	Tổng cộng
A	B	1	2	3	4	5=1+2+3+4	6	7=5+6
1	Mẫu non Cao Viên	-	-	1.280.000	-	1.280.000	-	1.280.000
2	Mẫu non Thanh Mai	380.000	-	1.280.000	-	1.660.000	380.000	2.040.000
3	Mẫu non Bình Minh I	190.000	-	1.280.000	-	1.470.000	190.000	1.660.000
4	Mẫu non Xuân Dương	380.000	600.000	640.000	-	1.620.000	-	1.620.000
5	Mẫu non Tam Hưng A	-	-	-	-	-	-	-
6	Mẫu non Thanh Thùy	380.000	-	1.280.000	-	1.660.000	380.000	2.040.000
7	Mẫu non Hồng Dương	760.000	-	2.560.000	-	3.320.000	760.000	4.080.000
8	Mẫu non Thanh Cao	570.000	2.400.000	3.200.000	7.488.000	13.658.000	190.000	13.848.000
9	Mẫu non TT Kim Bài	868.000	600.000	640.000	-	2.108.000	-	2.108.000
10	Mẫu non Thanh Văn	190.000	-	640.000	-	830.000	190.000	1.020.000
11	Mẫu non Liên Châu	380.000	1.800.000	3.840.000	-	6.020.000	-	6.020.000
12	Mẫu non Phương Trung	190.000	-	1.280.000	-	1.470.000	190.000	1.660.000
13	Mẫu non Cao Dương II	190.000	-	1.920.000	-	2.110.000	190.000	2.300.000
14	Mẫu non Cao Viên II	950.000	600.000	3.200.000	-	4.750.000	570.000	5.320.000
15	Mẫu non Cao Dương	380.000	600.000	1.280.000	-	2.260.000	-	2.260.000
16	Mẫu non Dân Hòa	380.000	-	3.200.000	-	3.580.000	380.000	3.960.000
17	Mẫu non Mỹ Hưng	380.000	600.000	640.000	-	1.620.000	-	1.620.000
18	Mẫu non Phương Trung	190.000	-	3.840.000	-	4.030.000	190.000	4.220.000
19	Mẫu non Kim An	190.000	600.000	3.840.000	-	4.630.000	190.000	4.820.000
20	Mẫu non Tam Hưng B	-	-	-	-	-	-	-
21	Mẫu non Bích Hòa	190.000	600.000	1.920.000	-	2.710.000	190.000	2.900.000
22	Mẫu non Kim Thư	-	-	640.000	-	640.000	-	640.000
23	Mẫu non Đỗ Động	-	-	640.000	-	640.000	-	640.000
24	Mẫu non Tân ước	-	-	-	-	-	-	-
25	Mẫu non Bình Minh II	190.000	-	1.280.000	-	1.470.000	190.000	1.660.000
26	Mẫu non Cự Khê	570.000	-	2.560.000	-	3.130.000	570.000	3.700.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.898.000</b>	<b>8.400.000</b>	<b>42.880.000</b>	<b>7.488.000</b>	<b>66.666.000</b>	<b>4.750.000</b>	<b>71.416.000</b>

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH OAI

BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP, KINH PHÍ CHI  
TRẢ HỌC BỔNG CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024  
- 2025

(Kèm theo Quyết định số 8478/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện)

ĐVT: Đồng

STT	Khối Tiểu học	Hỗ trợ chi phí học tập	Kinh phí chi trả học bổng cho người khuyết tật	Cộng kinh phí hỗ trợ HK I năm học 2024-2025
A	B	I	2	3=I+2
1	Liên Châu	1.800.000		1.800.000
2	Bích Hòa	6.600.000		6.600.000
3	Cao Viên I	4.800.000	7.488.000	12.288.000
4	Tân Ước	1.200.000	-	1.200.000
5	Bình Minh B	600.000		600.000
6	Xuân Dương	3.600.000		3.600.000
7	Tam Hưng	3.600.000		3.600.000
8	Bình Minh A	3.600.000	-	3.600.000
9	Phương Trung II	2.400.000		2.400.000
10	Thanh Mai	3.600.000		3.600.000
11	Kim Thư	1.800.000		1.800.000
12	Cao Dương	3.600.000		3.600.000
13	Dân Hòa	3.000.000		3.000.000
14	Phương Trung I	1.800.000		1.800.000
15	Cao Viên II	1.200.000		1.200.000
16	Thanh Thùy	1.200.000	7.488.000	8.688.000
17	Thanh Cao	2.400.000	-	2.400.000
18	Hồng Dương	3.000.000	-	3.000.000
19	Cự Khê	3.000.000	-	3.000.000
20	Đỗ Động	2.400.000	-	2.400.000
21	Mỹ Hưng	1.200.000		1.200.000
22	Kim Bài	4.200.000		4.200.000
23	Kim An	600.000		600.000
24	Thanh Văn	600.000		600.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>61.800.000</b>	<b>14.976.000</b>	<b>76.776.000</b>

BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ CẤP BÙ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ HỌC PHÍ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP, KINH PHÍ CHI TRẢ HỌC BỔNG CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 8478/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện)

ĐVT: Đồng

ST T	Khôi Trung học cơ sở	Kinh phí thực hiện chính sách học phí theo ND 81/2021	Hỗ trợ chi phí học tập	Kinh phí chi trả học bổng cho người khuyết tật	Cộng kinh phí hỗ trợ HK I năm học 2024-2025	Kinh phí thực hiện chính sách học phí theo NQ 15/2023/NQ-HĐND TP	Tổng cộng
A	B	1,0	2	3	4=1+2+3	5	6=4+5
1	THCS Bích Hòa	2.400.000	1.200.000		3.600.000	1.800.000	5.400.000
2	THCS Cao Viên	5.760.000	2.400.000		8.160.000	3.300.000	11.460.000
3	THCS Thanh Văn	2.513.000	1.800.000		4.313.000	1.612.000	5.925.000
4	THCS Ng.Trực- TT Kim Bài	6.200.000	3.000.000		9.200.000	3.100.000	12.300.000
5	THCS Cự Khê	4.350.000	2.400.000	7.488.000	14.238.000	3.150.000	17.388.000
6	THCS Kim An	750.000	-		750.000	750.000	1.500.000
7	THCS Tân Ước	450.000	600.000		1.050.000	150.000	1.200.000
8	THCS Phương Trung	6.690.000	6.600.000		13.290.000	2.250.000	15.540.000
9	THCS Liên Châu	1.500.000	-		1.500.000	1.500.000	3.000.000
10	THCS Thanh Cao	2.400.000	2.400.000		4.800.000	900.000	5.700.000
11	THCS Cao Dương	2.550.000	3.000.000		5.550.000	1.050.000	6.600.000
12	THCS Bình Minh	3.300.000	3.000.000	-	6.300.000	1.500.000	7.800.000
13	THCS Nguyễn Đức Lượng	1.950.000	600.000		2.550.000	1.350.000	3.900.000
14	THCS Hồng Dương	3.750.000	3.000.000		6.750.000	2.250.000	9.000.000
15	THCS Thanh Mai	3.750.000	5.400.000		9.150.000	1.050.000	10.200.000
16	THCS Xuân Dương	2.100.000	1.200.000		3.300.000	1.500.000	4.800.000
17	THCS Mỹ Hưng	3.600.000	1.200.000		4.800.000	3.000.000	7.800.000
18	THCS Đỗ Động	1.950.000	1.800.000		3.750.000	1.050.000	4.800.000
19	THCS Thanh Thùy	2.550.000	3.600.000		6.150.000	750.000	6.900.000
20	THCS Tam Hưng	2.550.000	1.800.000		4.350.000	1.350.000	5.700.000
21	THCS Kim Thư	3.450.000	6.900.000	-	10.350.000	750.000	11.100.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>64.513.000,0</b>	<b>51.900.000,0</b>	<b>7.488.000</b>	<b>123.901.000</b>	<b>34.112.000</b>	<b>158.013.000</b>

**BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ CẤP BÙ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP, KINH PHÍ CHI TRẢ HỌC BỔNG CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số 8478/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện)

DVT: Đồng

STT	Tên đơn vị	Kinh phí thực hiện chính sách học phí theo ND 81/2021	Hỗ trợ chi phí học tập	Kinh phí chi trả học bổng cho người khuyết tật	Cộng kinh phí hỗ trợ HK I năm học 2024-2025	Kinh phí hỗ trợ học phí theo NQ 15/2023/NQ-HĐND TP	Tổng cộng
A	B	I	2	3	4=1+2+3	5	6=4+5
1	Trung tâm GDNN-GDTX huyện	5.320.000	600.000		5.920.000	3.800.000	9.720.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5.320.000</b>	<b>600.000</b>	<b>-</b>	<b>5.920.000</b>	<b>3.800.000</b>	<b>9.720.000</b>